

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN IA GRAI
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2017/DS-ST

Ngày: 28-9-2017

“V/v tranh chấp hợp đồng ủy quyền”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN IA GRAI, TỈNH GIA LAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Đính;

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Mỹ;

2. Bà Nguyễn Thị Lan;

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thái Nam – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Dung – Kiểm sát viên;

Trong ngày 28 tháng 9 năm 2017, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 62/2016/TLST-DS ngày 14 tháng 11 năm 2016 về việc “Tranh chấp hợp đồng ủy quyền”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2017/QĐXXST-DS, ngày 23 tháng 8 năm 2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Phạm Thiên T; Địa chỉ nơi cư trú: Thôn A, xã Ia T, huyện G, tỉnh Gia Lai; Có mặt.

2. Bị đơn: Ông Lê Thúc R; Địa chỉ nơi cư trú: Tổ dân phố B, thị trấn K, huyện G, tỉnh Gia Lai; Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Trong Đơn khởi kiện ngày 22-10-2016 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Phạm Thiên T trình bày: Ngày 01-6-2016, ông Lê Thúc R lập Giấy ủy quyền cho ông Phạm Thiên T tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án dân sự thụ lý số 13/2016/TLST-DS ngày 01-3-2016 của Tòa án nhân dân huyện G về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất và bồi thường thiệt hại về tài sản”. Hợp đồng này đã được công chứng tại Văn phòng Công chứng Dương Thùy Trang và thể hiện là hợp đồng ủy quyền không có thù lao. Tiếp đó, ngày 10-6-2016, ông Phạm Thiên T cùng ông Lê Thúc R ký “Hợp đồng công việc” cũng với nội dung ông R ủy quyền cho ông T tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án nêu trên nhưng thể hiện việc ủy quyền là có thù lao, ông R phải thanh toán cho ông T số tiền là 5.000.000 đồng khi ký hợp đồng và thanh toán 10.000.000 đồng khi Tòa án giải quyết xong vụ án. Sau khi ký kết hợp đồng ngày 10-6-2016, ông T đã thực hiện đúng công việc được ủy quyền nhưng ông R đã không giao cho ông T số tiền 5.000.000 đồng như đã thỏa thuận và sau đó còn thông báo bằng miệng cho ông T về việc đơn phương chấm dứt hợp đồng ủy quyền. Do vậy,

ông T không thể tiếp tục thực hiện các công việc đã được ông R ủy quyền trong hợp đồng công việc. Ông R có ý kiến trình bày cho rằng ông R có nói đưa cho ông T 5.000.000 đồng như thỏa thuận trong hợp đồng nhưng ông T không nhận mà ông T đòi ông R phải thanh toán đủ 15.000.000 đồng là không đúng. Tại phiên tòa, ông T bổ sung, rút một phần yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu hủy bỏ hợp đồng ủy quyền theo Giấy ủy quyền ngày 01-6-2016 và Giấy ủy quyền theo “Hợp đồng công việc ngày 10-6-2016” được ký kết giữa R và ông T, buộc ông R phải trả cho ông T tiền thù lao theo “Hợp đồng công việc ngày 10-6-2016” là 5.000.000 đồng.

2. Tại bản trình bày ý kiến ngày 07-12-2016, bị đơn Lê Thúc R trình bày: Ông Lê Thúc R có ủy quyền cho ông Phạm Thiên T tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án dân sự thụ lý số 13/2016/TLST-DS ngày 01-3-2016 của Tòa án nhân dân huyện G về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất và bồi thường thiệt hại về tài sản” và hai bên có lập giấy ủy quyền như ông T trình bày là đúng. Sau khi ký “Hợp đồng công việc”, do công việc làm ăn nên ông R hay vắng nhà, khoảng hơn 01 tháng 10 ngày sau ông T đến nhà ông R đòi ông R phải thanh toán đủ cho ông T tiền thù lao theo hợp đồng là 15.000.000 đồng. Ông R thấy rằng ông T chưa thực hiện xong công việc được ủy quyền nên chỉ đồng ý thanh toán số tiền 5.000.000 đồng theo hợp đồng nhưng ông T không nhận, ông T còn yêu cầu Ủy ban nhân dân thị trấn K giải quyết tranh chấp. Tại buổi hòa giải tại Ủy ban nhân dân thị trấn K, ông R cũng có ý kiến đồng ý thanh toán cho ông T tiền thù lao là 5.000.000 đồng nhưng ông T không đồng ý nên hòa giải không thành. Ông R cũng đề nghị chấm dứt hợp đồng ủy quyền hai bên đã ký kết và đề nghị Tòa án giải quyết tranh chấp theo quy định của pháp luật.

3. Trong quá trình giải quyết vụ án, đương sự đã giao nộp và Tòa án thu thập các tài liệu, chứng cứ gồm: Đơn khởi kiện ngày 22-10-2016 của ông Phạm Thiên T (bản gốc); Chứng minh nhân dân ông Phạm Thiên T (bản sao); Sổ hộ khẩu ông Phạm Thiên T (bản sao); Giấy triệu tập số 139/GTT-TA ngày 05-5-2016 của Tòa án nhân dân huyện G (bản sao); Giấy ủy quyền ngày số 436, quyền số 01 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 01-6-2016 (bản sao); Hợp đồng công việc ngày 10-6-2016 (bản gốc); Biên bản hòa giải ngày 06-10-2016 (bản gốc); Đơn đề nghị xác nhận nguồn gốc đất ngày 04-7-2016 (bản photo); Bản tự khai ngày 02-6-2016 của ông Phạm Thiên T (bản photo); Bản đính chính giấy chia lại phần ruộng nước ngày 08-6-2016 (bản photo); Bản đính chính giấy sang nhượng quyền sử dụng ruộng nước ngày 06-6-2016 (bản photo); Giấy sang nhượng quyền sử dụng ruộng lúa nước ngày 05-3-1998 (bản photo); Đơn đề nghị miễn nộp tiền tạm ứng án phí ngày 09-11-2016 của ông Phạm Thiên T (bản gốc); Giấy chứng nhận thương binh của ông Phạm Thiên T (bản sao); Giấy chứng nhận hộ nghèo số 1048 của ông Phạm Thiên T (bản sao); Bản tự khai ngày 09-3-2017 của ông Phạm Thiên T (bản gốc); Bản tự khai ngày 07-12-2016 của ông Lê Thúc R (bản gốc); Biên bản xác minh ngày 20-3-2017 của Tòa án nhân dân huyện G (bản gốc); Công văn số 71/TCKH ngày 27-9-2017 của Phòng Tài chính – Kế hoạch huyện G.

4. Phát biểu ý kiến tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát khẳng định trong quá trình giải quyết vụ án những người tiến hành tố tụng đã tuân thủ đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật; Tại phiên tòa Hội đồng xét xử cũng đã thực hiện đầy đủ các thủ

tục tố tụng kể từ khi bắt đầu phiên tòa cho đến trước khi nghị án; Đối với bị đơn Lê Thúc R đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn phù hợp với quy định của pháp luật, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại các Điều 26, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được xem xét giải quyết. Các bên xác lập hợp đồng ủy quyền vào ngày 10-6-2016 nên luật nội dung được áp dụng là Bộ luật Dân sự năm 2005. Vụ án thụ lý ngày 14-11-2016 nên pháp luật tố tụng áp dụng để giải quyết là Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Tại phiên tòa nguyên đơn bổ sung, rút một phần yêu cầu khởi kiện phù hợp với quy định tại Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên được chấp nhận. Đối với bị đơn Lê Thúc R đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng cố tình trốn tránh, không có mặt theo giấy triệu tập nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt.

[2] Về yêu cầu chấm dứt hợp đồng và giải quyết hậu quả hợp đồng của nguyên đơn: Chứng cứ mà nguyên đơn và bị đơn cung cấp cung cấp là Giấy ủy quyền ngày 01-6-2016 và Giấy ủy quyền theo “Hợp đồng công việc ngày 10-6-2016” đã thể hiện, giữa bà ông T và ông R có ký hợp đồng ủy quyền tại Văn Phòng Công chứng Dương Thùy Trang với nội dung ông R ủy quyền cho ông T thay mặt ông R tham gia tố tụng để giải quyết tranh chấp tại Tòa án liên quan đến vụ án “Tranh chấp quyền sử dụng đất và đòi bồi thường thiệt hại về tài sản”. Hợp đồng ngày 01-6-2016 thể hiện việc ủy quyền là không có thù lao. Tuy nhiên, các bên đều công nhận sau đó ngày 10-6-2016 các bên lập một hợp đồng ủy quyền khác là “Hợp đồng công việc” thể hiện việc ông R ủy quyền cho ông T thay mặt ông R tham gia tố tụng giải quyết tranh chấp và việc ủy quyền là có thù lao, hợp đồng đã thể hiện rõ sau khi ký hợp đồng thì ông R phải thanh toán cho ông T số tiền thù lao là 5.000.000 đồng. Như vậy, Hội đồng xét xử thấy rằng việc ông R và ông T lập hợp đồng ủy quyền có thù lao này là hoàn toàn tự nguyện nên thỏa thuận trong hợp đồng này thay cho nội dung các bên đã thỏa thuận trước đó tại Giấy ủy quyền ngày 01-6-2016 và các bên buộc phải thực hiện đúng nội dung mà mình đã tự nguyện thỏa thuận. Các bên đều đồng ý chấm dứt hợp đồng ủy quyền nên cần buộc ông R phải trả cho ông T số tiền 5.000.000 đồng như đã thỏa thuận.

[3] Về án phí: Toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, bị đơn phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng các Điều 144, Điều 147, Điều 228, Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng các Điều 581, Điều 585, Điều 586, 588, 589 của Bộ luật Dân sự năm 2005;

- Áp dụng Pháp lệnh án phí, lệ phí tòa án số 10/2009/UBTVQH12.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Thiên T.

Hủy bỏ hợp đồng ủy quyền theo Giấy ủy quyền ngày 01-6-2016 và “Hợp đồng công việc ngày 10-6-2016” được ký kết giữa ông Lê Thúc R và ông Phạm Thiên T.

Buộc ông Lê Thúc R phải trả cho ông Phạm Thiên T số tiền thù lao theo “Hợp đồng công việc ngày 10-6-2016” được ký kết giữa ông Lê Thúc R và ông Phạm Thiên T là 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng người phải thi hành án phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Buộc Ông Lê Thúc R phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 250.000 đồng (Hai trăm năm mươi nghìn đồng), Ông Phạm Thiên T không phải chịu án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền kháng cáo Bản án để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Ia Grai;
- Lưu HSVA, THA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(ĐÃ KÝ)**

Lê Văn Đính